

Tuần: 28
Tiết: 46

Ngày soạn: 20/03/2022

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN CÔNG NGHỆ 7

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Kiểm tra những kiến thức cơ bản về thức ăn vật nuôi, vai trò của thức ăn đối với vật nuôi, sản xuất thức ăn vật nuôi.

2. Kỹ năng

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh để từ đó giáo viên biết hướng điều chỉnh phương pháp cho phù hợp.

3. Thái độ

- Rèn luyện khả năng tư duy làm việc một cách độc lập của học sinh.

4. Năng lực, phẩm chất

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học; Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực đặc thù: Nhận thức công nghệ; Sử dụng công nghệ.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 100%

III. THIẾT LẬP MA TRẬN

Cấp độ Tên chủ đề	Nhận biết TNKQ	Thông hiểu TNKQ	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp TNKQ	Cấp độ cao TNKQ	
Chủ đề 1 Thức ăn vật nuôi	Câu 1; câu 2; câu 3; câu 4; câu 5; câu 6; câu 7: Nêu được kiến thức về thức ăn vật nuôi	Câu 25; câu 26; câu 27; câu 28: Tìm ra các thành phần dinh dưỡng của thức ăn vật nuôi	Câu 29; câu 30; câu 32: Liên hệ thực tế kiến thức về thành phần dinh dưỡng chủ yếu của thức ăn vật nuôi	.	
Số câu Số điểm - Tỷ lệ %	7 câu 1,75 điểm - 17,5%	4 câu 1 điểm - 10%	3 câu 0,75 điểm – 7,5%		14 câu 3,5 điểm - 35%
Chủ đề 2 Vai trò của thức ăn đối vật nuôi	Câu 8; câu 9; câu 10; câu 11; câu 12; câu 13; câu 14, câu 15; câu 16: Nêu được kiến thức về tiêu tiêu hóa và hấp thụ thức ăn vật nuôi			Vận dụng kiến thức đã học để tìm ra các phương pháp chế biến tại gia đình	
Số câu Số điểm - %	9 câu 2,25 điểm - 22,5%			1 câu 0,25 điểm – 2,5%	10 câu 2,5 điểm - 25%
Chủ đề 3 Chế biến và dự trữ thức ăn vật nuôi, sản xuất thức ăn vật nuôi		Câu 17; câu 18; câu 19; câu 20: Hiểu được mục đích của chế biến và phân loại thức	Câu 34; câu 35; câu 36; câu 37: Liên hệ thực tế về sản xuất thức ăn vật nuôi	Câu 31; câu 33; câu 37: Liên hệ thực tế về thức ăn giàu glucit, giàu protein, chế biến bột ngô và men rượu	

		ăn vật nuôi Câu 21; câu 22; câu 23; câu 24: Hiểu được các phương pháp dự trữ và chế biến thức ăn vật nuôi			
Số câu Số điểm - %		8 câu 2 điểm - 20%	5 câu 1,25 điểm - 12,5%	3 câu 0,75 điểm - 7.5%	16 câu 4 điểm - 40%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ	16 4 40%	12 3 30%	8 2 20%	4 1 10%	40 10 100%

Hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

Câu 1. Rơm lúa là loại thức ăn cho vật nuôi nào dưới đây?

- A. Trâu
- B. Lợn
- C. Gà
- D. Vịt

Câu 2. Có mấy nguồn gốc thức ăn vật nuôi?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 3. Trong các loại thức ăn sau, loại nào có nguồn gốc động vật?

- A. Cám.
- B. Khô dầu đậu tương.
- C. Premic vitamin.
- D. Bột cá.

Câu 4. Trong thức ăn hỗn hợp cho lợn gồm có các loại thức ăn sau, trừ:

- A. Cám.
- B. Ngô.
- C. Premic khoáng.
- D. Bột tôm.

Câu 5. Trong các loại thức ăn sau, loại nào có nguồn gốc chất khoáng?

- A. Cám.
- B. Khô dầu đậu tương.
- C. Premic khoáng
- D. Bột cá.

Câu 6. Trong các loại thức ăn sau, loại nào có tỉ lệ nước chiếm cao nhất?

- A. Rau muống.
- B. Khoai lang củ.
- C. Ngô hạt.
- D. Rơm lúa.

Câu 7. Trong các loại thức ăn sau, loại nào có tỉ lệ Protein chiếm cao nhất?

- A. Rau muống.
- B. Khoai lang củ.
- C. Bột cá.
- D. Rơm lúa.

Câu 8. Trong các loại thức ăn sau, loại nào có tỉ lệ Gluxit chiếm cao nhất?

- A. Rau muống.
- B. Khoai lang củ.
- C. Ngô hạt.
- D. Rơm lúa.

Câu 9. Hàm lượng chất khô có trong bột cá là bao nhiêu %?

- A. 87,3%
- B. 73,49%
- C. 91,0%

D. 89,4%

Câu 10. Dạ dày của một số vật nuôi ăn cỏ như trâu, bò, dê, cừu... có mấy túi?

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.

Câu 11. Nước trong thức ăn sau khi qua đường tiêu hóa của vật nuôi chuyển thành chất dinh dưỡng nào dưới đây mà cơ thể có thể hấp thụ?

- A. Nước.
- B. Axit amin.
- C. Đường đơn.
- D. Ion khoáng.

Câu 12. Trong các chất dinh dưỡng sau, chất nào được cơ thể hấp thụ trực tiếp không cần qua bước chuyển hóa?

- A. Protein.
- B. Muối khoáng.
- C. Gluxit.
- D. Vitamin.

Câu 13. Protein trong thức ăn sau khi qua đường tiêu hóa của vật nuôi chuyển thành chất dinh dưỡng nào dưới đây mà cơ thể có thể hấp thụ?

- A. Nước.
- B. Axit amin.
- C. Đường đơn.
- D. Ion khoáng.

Câu 14. Điền vào chỗ trống của câu dưới đây các từ còn thiếu: “Nước và protein được cơ thể hấp thụ trực tiếp qua ... vào ...”

- A. Ruột – máu.
- B. Dạ dày – máu.
- C. Vách ruột – máu.
- D. Vách ruột – gan.

Câu 15. Gluxit trong thức ăn sau khi qua đường tiêu hóa của vật nuôi chuyển thành chất dinh dưỡng nào dưới đây mà cơ thể có thể hấp thụ?

- A. Nước.
- B. Axit amin.
- C. Đường đơn.
- D. Ion khoáng.

Câu 16. Có mấy vai trò của thức ăn đối với vật nuôi?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 17. Đối với sản xuất và tiêu dùng, thức ăn cung cấp năng lượng và chất dinh dưỡng cho vật nuôi, trừ:

- A. Vật nuôi thồ hàng cày, kéo.

- B. Cung cấp thịt, trứng sữa.
- C. Cung cấp lông, da, sừng-, móng.
- D. Vật nuôi tăng sức đề kháng.

Câu 18. Thế nào là thức ăn giàu Protein?

- A. Là thức ăn có chứa hàm lượng protein > 14%.
- B. Là thức ăn có chứa hàm lượng protein > 30%.
- C. Là thức ăn có chứa hàm lượng protein > 50%.
- D. Là thức ăn có chứa hàm lượng protein > 20%.

Câu 19. Thế nào là thức ăn giàu Gluxit?

- A. Là thức ăn có chứa hàm lượng gluxit > 14%.
- B. Là thức ăn có chứa hàm lượng gluxit > 50%.
- C. Là thức ăn có chứa hàm lượng gluxit > 30%.
- D. Là thức ăn có chứa hàm lượng gluxit > 20%.

Câu 20. Điều không phải là mục đích của chế biến thức ăn:

- A. Làm tăng mùi vị.
- B. Tăng tính ngon miệng.
- C. Dễ tiêu hóa, khử bỏ chất độc hại.
- D. Giữ thức ăn lâu hỏng

Câu 21. Mục đích của dự trữ thức ăn là:

- A. Làm tăng mùi vị.
- B. Tăng tính ngon miệng.
- C. Giữ thức ăn lâu hỏng.
- D. Dễ tiêu hóa, khử bỏ chất độc hại.

Câu 22. Thức ăn xanh của vụ xuân, hè thu, vật nuôi ăn không hết, người ta dùng để:

- A. Phơi khô hoặc ủ xanh dự trữ đến mùa đông.
- B. Ủ xanh làm phân bón.
- C. Ủ xanh làm thức ăn dự trữ đến mùa đông
- D. Phơi khô dự trữ đến mùa đông.

Câu 23. Có mấy phương pháp chế biến thức ăn vật nuôi?

- A. 2
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 24. Trong các phương pháp chế biến thức ăn sau, phương pháp nào là phương pháp vật lý?

- A. Ủ men.
- B. Kiềm hóa rơm rạ.
- C. Rang đậu.
- D. Đường hóa tinh bột.

Câu 25. Với các thức ăn hạt, người ta thường hay sử dụng phương pháp chế biến nào?

- A. Nghiền nhỏ
- B. Cắt ngắn
- C. Ủ men

D. Đường hóa

Câu 26. Trong các phương pháp chế biến thức ăn sau, phương pháp nào là phương pháp hóa học?

A. Nghiền nhỏ.

B. Cắt ngắn.

C. Ủ men.

D. Đường hóa.

Câu 27. Các phương pháp dự trữ thức ăn gồm:

A. Làm khô.

B. Ủ xanh.

C. Làm khô và ủ xanh

D. Sấy khô

Câu 28. Thành phần dinh dưỡng chủ yếu của Rơm lúa là:

A. Chất xơ

B. Protein

C. Gluxit

D. Lipid

Câu 29. Dựa theo thành phần dinh dưỡng có trong thức ăn, thức ăn được phân loại thành mấy nhóm?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 30. Thành phần dinh dưỡng chủ yếu của Khô dầu lạc (đậu phộng) là:

A. Chất xơ

B. Protein

C. Gluxit

D. Lipid

Câu 31. Hạt ngô (bắp) vàng có chứa 8,9% protein và 69% gluxit. Vậy hạt ngô thuộc loại thức ăn giàu thành phần dinh dưỡng nào?

A. Chất xơ.

B. Protein.

C. Gluxit.

D. Lipid.

Câu 32. Thành phần dinh dưỡng chủ yếu của Bột cá Hạ Long là:

A. Chất xơ

B. Protein

C. Gluxit

D. Lipid

Câu 33. Trong các câu dưới đây, câu nào không thuộc phương pháp sản xuất thức ăn giàu protein?

A. Chế biến sản phẩm nghề cá.

B. Trồng nhiều ngô, khoai, sắn.

C. Nuôi giun đất.

D. Trồng nhiều cây họ đậu.

Câu 34. Trồng xen, tăng vụ ... để có nhiều cây và hạt họ đậu thuộc phương pháp sản xuất thức ăn giàu chất dinh dưỡng gì?

- A. Chất xơ
- B. Lipid
- C. Gluxit
- D. Protein

Câu 35. Tận dụng đất vườn, rừng, bờ mương để trồng nhiều loại cỏ, rau xanh cho vật nuôi thuộc phương pháp sản xuất thức ăn giàu chất dinh dưỡng gì?

- A. Chất xơ
- B. Lipid
- C. Gluxit
- D. Protein

Câu 36. Hạt Đậu có thể chế biến bằng nhiệt theo các phương pháp dưới đây, trừ:

- A. Rang
- B. Hấp
- C. Kho
- D. Luộc

Câu 37. Trong quy trình chế biến bột ngô bằng men rượu, tỉ lệ bột: men rượu là:

- A. 100 phần bột: 5 phần men rượu.
- B. 100 phần bột: 3 phần men rượu.
- C. 50 phần bột: 4 phần men rượu.
- D. 100 phần bột: 4 phần men rượu.

Câu 38. Thức ăn vật nuôi có nguồn gốc từ thực vật là

- A. Cám gạo, ngô hạt, rau lang
- B. Cám gạo, ngô hạt, bột cá
- C. Cám gạo, bột thịt xương, bột cá
- D. Premic khoáng, bột sắn, khô dầu đậu tương

Câu 39. Thức ăn cung cấp ... cho vật nuôi hoạt động và phát triển

- A. Chất dinh dưỡng
- B. Sức đề kháng
- C. Sinh sản
- D. Năng lượng

Câu 40. Kiểm hóa rơm rạ với dung dịch kiềm

- A. 2%
- B. 3%
- C. 4%
- D. 5%

V. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

1. A	2. B	3. D	4. D	5. C
6. A	7. C	8. C	9. C	10. B
11. A	12. D	13. B	14. C	15. C
16. A	17. D	18. A	19. B	20. D
21. C	22. A	23. C	24. C	25. A
26. D	27. C	28. A	29. B	30. B
31. C	32. B	33. B	34. D	35. A
36. C	37. D	38. A	39. D	40. A

Người ra đề

Tổ trưởng chuyên môn

Nguyễn Thị Chiến

Nguyễn Thị Quỳnh Thoa

CHƯƠNG II: QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI

BÀI 44. CHUỒNG NUÔI VÀ VỆ SINH TRONG CHĂN NUÔI

I. Mục tiêu:

1. **Kiến thức:** Sau bài này giáo viên phải làm cho học sinh

- Hiểu được vai trò và những yếu tố cần có để chuồng nuôi hợp vệ sinh.
- Hiểu được vai trò, các biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi.

2. **Kỹ năng:**

- Có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất chăn nuôi ở gia đình: giữ gìn vệ sinh cho vật nuôi và môi trường sống của con người.

3. **Thái độ:**

- Có ý thức bảo vệ môi trường sinh thái.

4. **Năng lực :**

- Phát triển năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề

II. Chuẩn bị của GV - HS:

- GV: Nghiên cứu SGK, tài liệu tham khảo, chuẩn bị sơ đồ 10,11,
- HS: Đọc SGK, xem trước sơ đồ và hình vẽ.

III. Phương pháp và kỹ thuật dạy học.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi.

IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:

A. Hoạt động khởi động:

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. Phương thức: Hđ cá nhân.

3. Sản phẩm : Trình bày miệng.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá
- Gv đánh giá

5. Tiến trình

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên nêu câu hỏi.

? Để vật nuôi phát triển tốt ta phải quan tâm tới những yếu tố nào

Thực hiện nhiệm vụ:

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

Yếu tố khí hậu ảnh hưởng đến năng suất của vật nuôi bao gồm nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng. Những yếu tố này nó thể hiện vai trò của chuồng nuôi và vệ sinh trong chăn nuôi. Vậy chuồng nuôi có vai trò gì trong chăn nuôi và cách vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi ta tìm hiểu bài học hôm nay

* Báo cáo kết quả:

Hs trình bày

***Đánh giá kết quả:**

- Hs nhận xét, bổ sung

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:

Yếu tố khí hậu ảnh hưởng đến năng suất của vật nuôi bao gồm nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng. Những yếu tố này thể hiện vai trò của chuồng nuôi và vệ sinh trong chăn nuôi. Vậy chuồng nuôi có vai trò gì trong chăn nuôi và cách vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi ta tìm hiểu bài học hôm nay

A. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<p><u>1. Tìm hiểu về chuồng nuôi: 10'</u></p> <p>1. Mục tiêu :</p> <ul style="list-style-type: none">- Hiểu được vai trò và những yếu tố cần có để chuồng nuôi hợp vệ sinh. <p>2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđn.</p> <p>hoạt động cả lớp</p> <p>3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi</p> <p>4. Kiểm tra, đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau- Gv đánh giá <p>5. Tiến trình</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HDN trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV: Nêu câu hỏi <p>? Theo em chuồng nuôi giúp con vật tránh được các yếu tố thời tiết tác động vào ntn.</p> <p>? Mức độ tiếp xúc với vi trùng, kí sinh trùng, ở vật nuôi nhốt và vật nuôi thả tự do khác nhau như thế nào?</p> <p>? Muốn chăn nuôi số lượng lớn, gà nhiều theo kiểu công nghiệp thì chuồng nuôi có vai trò như thế nào?</p> <p>GV: Nêu vai trò của chuồng nuôi.</p> <p>? Theo em chuồng nuôi có vai trò như thế nào đối với vật nuôi?</p> <p>=>GV chính xác hóa, KL.</p> <p>? Nuôi con vật trong chuồng góp phần giữ gìn vệ sinh môi trường sống ntn.</p> <ul style="list-style-type: none">- HS: Lắng nghe câu hỏi <p>*Thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p><u>I. Chuồng nuôi.</u></p> <p><u>1. Tầm quan trọng của chuồng nuôi</u> <u>(GV hướng dẫn HS tự học)</u></p>

- HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm:
- GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.

***Dự kiến trả lời:**

- Vật nuôi nhốt hạn chế tiếp xúc, có thể dùng máy móc cho ăn, uống làm vệ sinh đồng loạt theo quy trình
- Lấy ví dụ cho từng vai trò, khắc sâu kiến thức.
- Hạn chế con vật thải phân ra làm ô nhiễm môi trường, tránh bị con vật nuôi phá hoại sản xuất, hoa màu,.....quản lý không bị mất mát,.....

***Báo cáo kết quả:**

- Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chốt kiến thức, ghi bảng.

GV mở rộng

GV: y/c HS làm bài tập trong SGK theo nhóm

HS làm bài tập

GV nhận xét và kết luận

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HDN trả lời câu hỏi:

- GV: Nêu câu hỏi yêu cầu HS quan sát sơ đồ 10 và đọc thông tin phần 2-SGK.
?Em hãy cho biết chuồng nuôi hợp vệ sinh cần đạt được những tiêu chuẩn gì.
?Chuồng nuôi phù hợp yêu cầu sinh lý con vật là gì.
?Làm thế nào để chuồng nuôi được đảm bảo độ chiếu sáng, ít khí độc.
GV y/c Hs làm bài tập(a) trang 117 theo nhóm
? Vì sao bố trí hướng chuồng theo cách
a) Không phù hợp.
? Chuồng 1 dãy có đặc điểm gì.
? Kiểu chuồng 2 dãy có đặc điểm gì

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- Chuồng nuôi là nhà ở của vật nuôi:
- + Giúp vật nuôi tránh được những thay đổi của thời tiết, đồng thời tạo ra 1 tiểu khí hậu thích hợp cho vật nuôi.
- + Giúp vật nuôi hạn chế tiếp xúc với mầm bệnh.
- + Giúp cho việc thực hiện quy trình chăn nuôi khoa học.
- + Giúp cho việc quản lý tốt đàn vật nuôi, thu được chất thải làm phân bón.

2. Tiêu chuẩn chuồng nuôi hợp vệ sinh.

- a. Có 5 yếu tố cấu thành vệ sinh chuồng nuôi: Nhiệt độ, độ ẩm, độ

- HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi:
Dự kiến trả lời:

- Có 5 yếu tố cấu thành vệ sinh chuồng nuôi: Nhiệt độ, độ ẩm, độ thông thoáng, không khí trong chuồng nuôi và độ chiếu sáng.

- Khi xây dựng chuồng nuôi cần chú ý:

+ Hướng chuồng:

+ Có thể làm kiểu chuồng 1 dãy hoặc 2 dãy để có độ chiếu sáng phù hợp.

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chốt kiến thức, ghi bảng

GV mở rộng

GV: y/c HS làm bài tập trong SGK theo nhóm

HS làm bài tập

GV nhận xét và kết luận

2. Tìm hiểu về vệ sinh phòng bệnh.

20'

1. Mục tiêu :

- Hiểu được vai trò, các biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi.

2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđn. hoạt động cả lớp

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi

4. Kiểm tra, đánh giá:

-Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

-Gv đánh giá

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk

HĐN trả lời câu hỏi:

- GV: Nêu câu hỏi

? Em hiểu thế nào là phòng bệnh

? Tại sao nói phòng bệnh hơn chữa bệnh

thông thoáng, không khí trong chuồng nuôi và độ chiếu sáng.

b.Khi xây dựng chuồng nuôi cần chú ý:

+ Hướng chuồng:nên chọn 1 trong 2 hướng chính:hướng Nam hoặc hướng Đông-Nam.

+ Có thể làm kiểu chuồng 1 dãy hoặc 2 dãy để có độ chiếu sáng phù hợp.

Bài tập.

- Nhiệt độ, độ ẩm, độ thông thoáng

- Chuồng nuôi hợp vệ sinh khi xây dựng, chọn địa điểm, hướng chuồng, nền chuồng, tường bao, mái che...

II. Vệ sinh phòng bệnh.

1.Tầm quan trọng của vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi.

<p>*Thực hiện nhiệm vụ: -HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi: <i>Dự kiến trả lời:</i> Làm các biện pháp nuôi dưỡng chăm sóc để vật nuôi khỏe mạnh khả năng đề kháng chống bệnh tật tốt</p> <p>*Báo cáo kết quả: - Hs trình bày nhanh</p> <p>*Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>GV: chốt kiến thức, ghi bảng</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HDN trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi GV: Trong chăn nuôi cần làm gì để vệ sinh chăn nuôi? GV: Cho học sinh quan sát sơ đồ 11 và nêu các khâu vệ sinh chuồng nuôi? ? Nêu nội dung vệ sinh thân thể vật nuôi.</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ: - HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi: <i>Dự kiến trả lời:</i> -Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi -Vệ sinh thân thể cho vật nuôi.</p> <p>*Báo cáo kết quả: - Hs trình bày nhanh</p> <p>*Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>GV: chốt kiến thức, ghi bảng</p>	<p>- Vệ sinh chăn nuôi là để phòng ngừa bệnh dịch xảy ra, bảo vệ sức khỏe vật nuôi và tăng năng suất chăn nuôi.</p> <p><u>2. Các biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi.</u></p> <p>a. Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi - Yêu cầu: Khí hậu trong chuồng, xây dựng chuồng nuôi, thức ăn, nước uống.</p> <p>b. Vệ sinh thân thể cho vật nuôi. - Vệ sinh thân thể cho vật nuôi vừa có tác dụng duy trì sức khỏe và sức sản xuất của vật nuôi vừa có tác dụng làm quen huấn luyện để vật nuôi thuần thục dễ chăm sóc, quản .</p>
--	---

C. Hoạt động luyện tập:

1. Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2. Phương thức: Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4. Kiểm tra, đánh giá:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
 - Gv đánh giá
5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV: Yêu cầu học sinh đọc phần ghi nhớ SGK.

GV: Hệ thống lại bài học, nêu câu hỏi cho học sinh trả lời để củng cố kiến thức.

? Chuồng nuôi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi?

? Thế nào là chuồng nuôi hợp vệ sinh?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng:

1. Mục tiêu:

Hs nắm vững thức ăn được tiêu hoá và hấp thu ntn.

Hs nắm vững vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn đối với vật nuôi

2. Phương thức: Hđ cá nhân.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- Gv đánh giá

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV nêu câu hỏi

? Ở gia đình em chuồng nuôi được xây dựng theo hướng nào? Theo em hướng đó có phù hợp không?

? Gia đình em khi nuôi gia súc hoặc gia cầm cần làm những công việc gì để vật nuôi luôn khỏe mạnh?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Làm việc cá nhân:

HS suy nghĩ trả lời

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

1. Mục tiêu: Tìm hiểu thêm để mở rộng kiến thức

2. Phương thức: Cá nhân tìm hiểu qua sách báo, mạng internet, trao đổi với người thân...

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau, người thân đánh giá

- Gv đánh giá vào tiết học sau

5. Tiến trình

Gv: Hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Về nhà học bài và trả lời câu hỏi cuối bài.
- Đọc và xem trước bài 45 SGK chuẩn bị sơ đồ hình 12, 13 SGK

Gv y/c hs vận dụng các kiến thức đã học áp dụng vào thực tế địa phương

Tuần: 30

Tiết: 48

BÀI 45. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC CÁC LOẠI VẬT NUÔI

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: Sau khi học xong học sinh cần nắm được:

- Hiểu được những biện pháp chủ yếu trong nuôi dưỡng và chăm sóc đối với vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện ý thức, lao động cần cù chịu khó trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.

3. Thái độ:

- Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào chăn nuôi.

4. Năng lực :

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

II. Chuẩn bị của GV - HS:

- GV: Đọc và nghiên cứu nội dung bài 45, chuẩn bị sơ đồ 12, 13 sgk

- HS: Đọc SGK xem tranh hình vẽ SGK.

III. Phương pháp và kỹ thuật dạy học.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, quan sát.

- Kỹ thuật dạy học giao nhiệm vụ, thảo luận cặp đôi.

IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:

A. Hoạt động khởi động:

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.

2. Phương thức: Hđ cá nhân.

3. Sản phẩm : Trình bày miệng.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs đánh giá

- Gv đánh giá

Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Chuồng nuôi có vai trò như thế nào trong chăn nuôi?

Câu 2: Phải làm gì để chuồng nuôi hợp vệ sinh? HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: - Giúp vật nuôi tránh được những thay đổi của thời tiết, đồng thời tạo ra một tiểu khí hậu thích hợp cho vật nuôi.

- Giúp cho vật nuôi hạn chế tiếp xúc với mầm bệnh.

- Giúp cho việc thực hiện quy trình chăn nuôi khoa học.

- Giúp quản lý tốt đàn vật nuôi

C2: Các biện pháp vệ sinh phòng bệnh trong chăn nuôi.

a. Vệ sinh môi trường sống của vật nuôi. .

- Khí hậu trong chuồng, xây dựng chuồng nuôi, thức ăn, nước uống.

b. Vệ sinh thân thể cho vật nuôi.

- Có tác dụng duy trì sức khỏe và sức sản xuất của vật nuôi vừa có tác dụng làm quen huấn luyện để vật nuôi thuần thục dễ chăm sóc...

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

- Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Để chăn nuôi đạt hiệu quả kinh tế cao phải biết phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp. Muốn vậy phải nắm được đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi. Bài hôm nay chúng ta đi tìm hiểu vấn đề này

B. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<u>1. Tìm hiểu chăn nuôi vật nuôi non:</u> 1. Mục tiêu : - Hiểu được một số đặc của sự phát triển cơ thể vật nuôi 2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđn . 3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, nhóm. phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk HDN trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi C1: Cho biết đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non? C2: Nêu các biện pháp kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non? - HS: Lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: - HS: Làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm: - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực. Dự kiến trả lời: C1: C2: *Báo cáo kết quả: - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả thảo luận nhóm.	 I. Chăn nuôi vật nuôi non 1. Một số đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non. - Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh. - Chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh. - Chức năng miễn dịch chưa tốt. 2. Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non. - Nuôi vật nuôi mẹ tốt - Giữ ấm cho cơ thể - Cho bú sữa đầu - Tập cho vật nuôi non ăn sớm - Cho vật nuôi vận động và tiếp xúc với ánh sáng - Giữ vệ sinh phòng

<p>*Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>GV: Chốt kiến thức, ghi bảng.</p> <p><u>2. Tìm hiểu chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục tiêu : Hiểu được đặc điểm nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi cái sinh sản. 2. Phương thức: Hđ cá nhân. 3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân <p>phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi</p> <ol style="list-style-type: none"> 4. Kiểm tra, đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. Tiến trình <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Nêu câu hỏi: <p>Quan sát sơ đồ 13 về nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi cái sinh sản, rồi sắp xếp vào vở bài tập theo mức độ ưu tiên dinh dưỡng của từng giai đoạn từ cao xuống thấp?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: Lắng nghe câu hỏi <p>*Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi: <p>Dự kiến trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật nuôi cái sinh sản có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng của đàn vật nuôi con <p>+ Giai đoạn mang thai</p> <p>+ Giai đoạn nuôi con</p> <p>*Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs trình bày nhanh <p>*Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>GV: Chốt kiến thức, ghi bảng.</p> <p>GV: Nhắc học sinh chú ý đến chế độ vận động, tắm chải... hợp lý</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Nêu câu hỏi: <p>Muốn chăn nuôi vật nuôi cái sinh sản có kết quả phải chú ý đến giai đoạn nào?</p>	<p>bệnh cho vật nuôi</p> <p>II. Chăn nuôi vật nuôi đực giống. (Không học)</p> <p>III. Chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật nuôi cái sinh sản có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng của đàn vật nuôi con <p>+ Giai đoạn mang thai</p> <p>+ Giai đoạn nuôi con</p>
--	--

<ul style="list-style-type: none"> - HS: Lắng nghe câu hỏi <p>*Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi: - GV: Cho HS quan sát sơ đồ 13 SGK <p>Dự kiến trả lời:</p> <p>Có 2 giai đoạn: + Giai đoạn mang thai</p> <p>+ Giai đoạn nuôi con</p> <p>*Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs trình bày nhanh <p>*Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>GV: chốt kiến thức, ghi bảng</p> <p>Gv hỏi yêu cầu hs trả lời nhanh</p>	
--	--

C. Hoạt động luyện tập:

1. Mục tiêu : Nhằm vững kiến thức để làm bài tập
2. Phương thức: Hđ cá nhân, Kỹ thuật đặt câu hỏi; Kỹ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp
3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4. Kiểm tra, đánh giá:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
 - Gv đánh giá
5. Tiến trình

****Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:

- Chăn nuôi vật nuôi non phải chú ý những vấn đề gì?
- Nuôi dưỡng vật nuôi cái sinh sản phải chú ý những vấn đề gì? Tại sao?
- HS: hệ thống lại kiến thức

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

D. Hoạt động vận dụng:

1. Mục tiêu : Nhằm vững kỹ thuật chăn nuôi vật nuôi non và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản.
2. Phương thức: Hđ cặp đôi.
3. Sản phẩm : Phiếu học tập.
4. Kiểm tra, đánh giá:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- Gv đánh giá

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đưa ra bài tập : ở gia đình em thường chăn nuôi vật nuôi non và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản như thế nào?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Thảo luận cặp đôi.

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

1. Mục tiêu : nắm vững kĩ thuật nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi

2. Phương thức: Hđ cá nhân.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau

- Gv đánh giá

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đưa ra bài tập : Nhà em thường nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi như thế nào?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Tìm hiểu các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi ở địa phương.

- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi SGK

- Đọc và xem trước bài 46 SGK.

BÀI 46 . PHÒNG, TRỊ BỆNH THÔNG THƯỜNG CHO VẬT NUÔI

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: Sau khi học song học sinh cần nắm được:

- Biết được những nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi.
- Biết được những biện pháp chủ yếu để phòng, trị bệnh cho vật nuôi.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện ý thức nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.

3. Thái độ:

- Có ý thức lao động cần cù chịu khó trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi.

4. Năng lực :

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

II. Chuẩn bị của GV - HS:

- GV: Đọc và nghiên cứu nội dung bài 46
- HS: Đọc SGK, liên hệ gia đình, địa phương.

III. Phương pháp và kỹ thuật dạy học.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi.

IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:

A. Hoạt động khởi động : 5'

1. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.
2. Phương thức: Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm: Trình bày miệng.
4. Kiểm tra, đánh giá:
 - Hs đánh giá
 - Gv đánh giá
5. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Nêu một số đặc điểm của sự phát triển cơ thể vật nuôi non?

Câu 2: Cho biết các công việc chăm sóc vật nuôi cái sinh sản?

HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: - Sự điều tiết thân nhiệt chưa hoàn chỉnh.

- Chức năng của hệ tiêu hóa chưa hoàn chỉnh.

- Chức năng miễn dịch chưa tốt.

C2: - Vật nuôi cái sinh sản có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng của đàn vật nuôi con

+ Giai đoạn mang thai

+ Giai đoạn nuôi con

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

- Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:

A. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<u>1. Tìm hiểu khái niệm về bệnh. 15'</u> 1. Mục tiêu : - Hiểu được khái niệm về bệnh, nguyên nhân gây ra bệnh. 2. Phương thức: Hđ cá nhân. 3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi Vật nuôi bị bệnh có dấu hiệu như thế nào? Em hãy quan sát sơ đồ 14 và cho biết nguyên nhân sinh ra bệnh ở vật nuôi và lấy ví dụ? - HS: Lắng nghe câu hỏi *Thực hiện nhiệm vụ: - HS: Làm việc cá nhân trả lời câu hỏi - GV: Quan sát, hỗ trợ các học sinh . Dự kiến trả lời: - Vật nuôi bị bệnh do chức năng sinh lý trong cơ thể tác động của yếu tố gây bệnh làm giảm sút khả năng sản xuất và giá trị kinh tế của vật nuôi. *Báo cáo kết quả: - Đại diện hs trình bày kết quả trước lớp. *Đánh giá kết quả: - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá GV: chốt kiến thức, ghi bảng. GV mở rộng : Khi bị nhiễm lạnh, một số lợn con đi ngoài phân trắng có phải vật nuôi bị bệnh không. <u>2. Tìm hiểu biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi:</u>	I. Khái niệm về bệnh. - Vật nuôi bị bệnh do chức năng sinh lý trong cơ thể tác động của yếu tố gây bệnh làm giảm sút khả năng sản xuất và giá trị kinh tế của vật nuôi. II. Nguyên nhân gây ra bệnh. - Có 2 căn cứ để phân loại bệnh. + Bệnh truyền nhiễm: Do các vi sinh vật(Vi rút, vi khuẩn..) gây ra + Bệnh không truyền nhiễm: Do vật ký sinh như giun, sán, ve...gây ra không lây lan thành dịch.

15'

1. Mục tiêu : Hiểu được một số biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi
2. Phương thức: Hđ cá nhân, hđ nhóm.
3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân, nhóm phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi
4. Kiểm tra, đánh giá:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
 - Gv đánh giá
5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:

- GV: Nêu câu hỏi:

Em hãy đọc và đánh dấu (x) vào vở bài tập những biện pháp đúng, cần làm nhằm phòng trị bệnh cho vật nuôi?

-HS: Lắng nghe câu hỏi

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:
Dự kiến trả lời:

- Chăm sóc chu đáo cho từng loại vật nuôi.
- Tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin
- Cho vật nuôi ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng.
- Vệ sinh môi trường sạch sẽ.
- Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám và điều trị khi có triệu chứng bệnh, dịch bệnh ở vật nuôi.

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày kết quả

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chốt kiến thức, ghi bảng.

III. Phòng trị bệnh cho vật nuôi.

- Chăm sóc chu đáo cho từng loại vật nuôi.
- Tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin
- Cho vật nuôi ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng.
- Vệ sinh môi trường sạch sẽ.
- Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám và điều trị khi có triệu chứng bệnh, dịch bệnh ở vật nuôi.

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1. Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2. Phương thức: Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4. Kiểm tra, đánh giá:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
 - Gv đánh giá
5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:

- Em cho biết thế nào là vật nuôi bị bệnh?
- Những nguyên nhân nào gây ra bệnh cho vật nuôi?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng: 3'

1. Mục tiêu : Nắm vững khái niệm về bệnh, nguyên nhân gây ra bệnh và các biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi.

2. Phương thức: Hđ cá nhân.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4. Kiểm tra, đánh giá:

- HS tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đưa ra bài tập : ở gia đình em thường chăn nuôi vật nuôi non và chăm sóc vật nuôi cái sinh sản như thế nào?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Ho¹t @éng t@m t@i mè r@ng: 2'

1. Mục tiêu : nắm vững kĩ thuật làm đất gieo ươm cây rừng để vận dụng vào thực tiễn.

2. Phương thức: Hđ cá nhân, Kĩ thuật đặt câu hỏi; Kĩ thuật giao nhiệm vụ; hoạt động cả lớp

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4. Kiểm tra, đánh giá:

- HS tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đưa ra bài tập : Về nhà em tìm hiểu những nguyên nhân nào gây ra bệnh cho vật nuôi và cách phòng bệnh?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả:**

- HS lên bảng làm bài

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi SGK

- Đọc và xem trước bài 47 SGK.

***Rút kinh nghiệm:**

Tuần: 32
Tiết: 50

BÀI 47. VẮC XIN PHÒNG BỆNH CHO VẬT NUÔI

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: Sau khi học song học sinh cần nắm được:

- Biết được khái niệm và tác dụng của vắc xin.
- Biết được cách sử dụng vắc xin để phòng trị bệnh cho vật nuôi.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện ý thức sử dụng vắc xin để phòng trị bệnh cho vật nuôi.

3. Thái độ:

- Có ý thức lao động cần cù chịu khó trong việc phòng bệnh cho vật nuôi.

4. Năng lực :

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp thông tin.

II. Chuẩn bị của GV - HS:

- GV: Đọc và nghiên cứu nội dung bài 4, hình vẽ 73,74 sgk
- HS: Đọc SGK, liên hệ gia đình, địa phương.

III. Phương pháp và kỹ thuật dạy học.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề, thảo luận cặp đôi.

IV. Tiến trình tổ chức hoạt động dạy học:

A. Hoạt động khởi động : 5'

6. Mục tiêu : Kiểm tra kiến thức cũ, huy động kiến thức, tạo hứng thú cho hs. Rèn khả năng hợp tác cho hs.
7. Phương thức: Hđ cá nhân.
8. Sản phẩm : Trình bày miệng.
9. Kiểm tra, đánh giá:
 - Hs đánh giá
 - Gv đánh giá
10. Tiến trình

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời các câu hỏi:

Câu 1: Những nguyên nhân nào gây ra bệnh cho vật nuôi?

Câu 2: Em hãy nêu các biện pháp phòng trị bệnh cho vật nuôi?

HS lắng nghe

***Thực hiện nhiệm vụ:**

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

C1: - Có 2 căn cứ để phân loại bệnh.

+ Bệnh truyền nhiễm: Do các vi sinh vật(Vi rút, vi khuẩn..) gây ra

+ Bệnh không truyền nhiễm: Do vật ký sinh như giun, sán, ve...gây ra không lây lan thành dịch.

C2: - Chăm sóc chu đáo cho từng loại vật nuôi.

- Tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin

- Cho vật nuôi ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng.

- Vệ sinh môi trường sạch sẽ.

- Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám và điều trị khi có triệu chứng bệnh, dịch bệnh ở vật nuôi.

***Báo cáo kết quả:** Hs trình bày miệng

***Đánh giá kết quả:**

- Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Bảo vệ vật nuôi có ý nghĩa rất lớn trong chăn nuôi. Với phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh thì việc hiểu về vắc xin và biết cách sử dụng vắc xin đúng có tác dụng rất hữu hiệu trong việc bảo vệ vật nuôi. Bài hôm nay chúng ta đi giải quyết vấn đề này

A. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<u>1. Tìm hiểu tác dụng của vắc xin.15'</u> 1. Mục tiêu : - Hiểu được vắc xin là gì và tác dụng của vắc xin 2. Phương thức:Hđ cá nhân, hđn, cặp đôi. 3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. Kiểm tra, đánh giá: - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. Tiến trình *Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trả lời câu hỏi: - GV: Nêu câu hỏi , hs hoạt động cặp đôi. Các em có biết vắc xin là gì? Em hãy quan sát hình 73 về cách xử lý mầm bệnh để chế vắc xin và trả lời câu hỏi Thế nào là vắc xin chết và vắc xin nhược độc? - HS: Lắng nghe câu hỏi và thảo luận cặp đôi. *Thực hiện nhiệm vụ: - HS: Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm học sinh . Dự kiến trả lời: - Các chế phẩm sinh học dùng để phòng bệnh truyền nhiễm gọi là vắc xin. Vắc xin được chế từ chính mầm bệnh(vi khuẩn hoặc vi rút) gây ra bệnh mà ta muốn phòng ngừa.	I. Tác dụng của vắc xin 1. Vắc xin là gì? - Các chế phẩm sinh học dùng để phòng bệnh truyền nhiễm gọi là vắc xin. Vắc xin được chế từ chính mầm bệnh(vi khuẩn hoặc vi rút) gây ra bệnh mà ta muốn phòng ngừa. 2. Tác dụng của vắc xin - Cơ thể vật nuôi chống được bệnh, khỏe mạnh vì có đáp ứng miễn dịch tức là cơ thể sinh ra kháng thể. - Bài tập: vắc xin, kháng thể, tiêu diệt mầm bệnh, , miễn dịch

<p>*Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm hs trình bày kết quả trước lớp. <p>*Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>GV: chốt kiến thức, ghi bảng.</p> <p>GV mở rộng : Tại sao khi tiêm vắc xin tụ huyết trùng cho gà thì gà không mắc bệnh tụ huyết trùng nữa? GV hướng dẫn HS thảo luận</p> <p><u>2. Tìm hiểu một số điều cần chú ý khi sử dụng vắc xin.15'</u></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục tiêu : Hiểu được cách bảo quản và sử dụng vắc xin. 2. Phương thức: Hđ cá nhân, . 3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân phiếu học tập nhóm, hoàn thành nội dung trong vở ghi 4. Kiểm tra, đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau - Gv đánh giá 5. Tiến trình <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu cá nhân học sinh nghiên cứu sgk thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Nêu câu hỏi: Vì sao cần phải bảo quản vắc xin? Khi sử dụng vắc xin cần chú ý như thế nào? - HS: Lắng nghe câu hỏi <p>*Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: Làm việc cá nhân thảo luận nhóm trả lời câu hỏi: Dự kiến trả lời: <ol style="list-style-type: none"> 1. Bảo quản <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ bảo quản thích hợp phải theo sự chỉ dẫn trên nhãn thuốc. - Đã pha phải dùng ngay. 2. Sử dụng <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ dùng vắc xin cho vật nuôi khỏe. - Phải dùng đúng vắc xin - Dùng vắc xin xong phải theo dõi vật nuôi 2- 3h tiếp theo <p>*Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs trình bày kết quả <p>*Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá 	<p>II. Một số điều cần chú ý khi sử dụng vắc xin</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bảo quản <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ bảo quản thích hợp phải theo sự chỉ dẫn trên nhãn thuốc. - Đã pha phải dùng ngay. 2. Sử dụng <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ dùng vắc xin cho vật nuôi khỏe. - Phải dùng đúng vắc xin - Dùng vắc xin xong phải theo dõi - Dùng vắc xin xong phải theo dõi vật nuôi 2- 3h tiếp theo
--	--

- | | |
|--|--|
| - Giáo viên nhận xét, đánh giá
GV: chốt kiến thức, ghi bảng. | |
|--|--|

C. Hoạt động luyện tập: 5'

1. Mục tiêu : nắm vững kiến thức để làm bài tập
2. Phương thức: Hđ cá nhân.
3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân
4. Kiểm tra, đánh giá:
 - Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
 - Gv đánh giá

5. Tiến trình

****Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu cá nhân học sinh trả lời câu hỏi:

- Em cho biết vắc xin là gì? Lấy 1 ví dụ về loại vắc xin mà em biết.
- Khi sử dụng vắc xin cần chú ý điều gì?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS: Làm việc cá nhân hệ thống lại kiến thức:

***Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày nhanh

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

D. Hoạt động vận dụng: 4'

1. Mục tiêu : Nắm vững vắc xin là gì, tác dụng của vắc xin và một số điều cần chú ý khi sử dụng vắc xin.

2. Phương thức: Hđ cặp đôi.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập.

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình

****Chuyển giao nhiệm vụ***

GV đưa ra bài tập : ở gia đình em có dùng vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi không và thường dùng loại vắc xin nào?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Thảo luận cặp đôi.

***Báo cáo kết quả:**

Đại diện một số cặp báo cáo.

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

E. Ho¹t ®éng t×m tði mề réng: 1'

1. Mục tiêu : nắm vững kĩ thuật làm đất gieo ươm cây rừng để vận dụng vào thực tiễn.

2. Phương thức: Hđ cá nhân.

3. Sản phẩm : Phiếu học tập cá nhân

4. Kiểm tra, đánh giá:

- Hs tự đánh giá, hs đánh giá lẫn nhau
- Gv đánh giá

5. Tiến trình

***Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đưa ra bài tập : Về nhà em tìm hiểu một số loại vắc xin dùng phòng bệnh cho vật nuôi trong gia đình em?

***Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Làm việc cá nhân:

***Báo cáo kết quả**

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Gv : hướng dẫn, giao nhiệm vụ về nhà cho hs

- Về nhà học bài và trả lời toàn bộ câu hỏi SGK
- Đọc và xem trước bài 48 SGK.

***Rút kinh nghiệm:**

Tuần: 33

Tiết: 51

BÀI 48. Thực hành - NHẬN BIẾT MỘT SỐ LOẠI VẮC XIN PHÒNG BỆNH CHO GIA CẦM VÀ PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG VẮC XIN NIU CAT XON PHÒNG BỆNH CHO GÀ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Nhận biết tên, đặc điểm và sử dụng được một số loại vắc xin phòng bệnh cho gia cầm.

2. Kỹ năng:

Biết sử dụng vắc xin bằng các phương pháp: Tiêm, nhỏ mũi, nhỏ mắt.

3. Thái độ:

Vận dụng vào thực tiễn sản xuất của gia đình và địa phương, rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi sử dụng vắc xin phòng dịch cho gia súc, gia cầm.

4. Định hướng năng lực: năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, thực hành, tư duy

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- Chuẩn bị bơm tiêm, kim tiêm....
- Các hình ảnh có liên quan.
- SGK, SGK, giáo án.

2. Học sinh:

Xem trước bài 48 và đem bẹ chuối.

III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CHO HỌC SINH

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 4'

- Em cho biết tác dụng của vắc xin đối với cơ thể vật nuôi.
- Khi sử dụng vắc xin cần chú ý những điều gì?

Các em đã biết tác dụng của vắc xin đối với cơ thể vật nuôi. Nhưng không phải vắc xin nào cũng sử dụng được mà phải tùy vào từng loại vật nuôi và tùy chủng loại vắc xin mà có cách sử dụng thích hợp. Hôm nay chúng sẽ cùng tìm hiểu cách nhận biết một số loại vắc xin và cách sử dụng các loại vắc xin đó. Ta vào bài 48.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN

* Hoạt động 1: Vật liệu và dụng cụ cần thiết (8').

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Nội dung
<ul style="list-style-type: none">- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc phần I SGK trang 125.- Giáo viên yêu cầu kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.- Giáo viên đem các chủng loại vắc xin ra giới thiệu cho học sinh.- Yêu cầu học sinh chia nhóm thực hành và dặn dò học sinh là phải cẩn thận	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh đọc thông tin phần I.- Học sinh đem dụng cụ mình đã chuẩn bị ra.- Học sinh lắng nghe.- Học sinh tiến hành chia nhóm.	<u>I. Vật liệu và dụng cụ cần thiết:</u> <ul style="list-style-type: none">- 3 loại vắc xin Niu cat xon:- Vắc xin đậu gà đông khô.- Vắc xin tụ huyết trùng cho gia cầm dạng nhũ hóa và dạng keo phèn.

trong khi thực hành. - Yêu cầu học sinh ghi bài vào tập.	- Học sinh ghi bài vào tập.	<ul style="list-style-type: none"> - Nước cất. - Bơm tiêm, kim tiêm, panh cặp, khay men. - Bông thấm nước. - thuốc sát trùng. - Khúc thân cây chuối. - Gà con, gà lớn.
---	-----------------------------	--

*** Hoạt động 2: Quy trình thực hành (8').**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Nội dung
<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh nghiên cứu các cách quan sát trong SGK trang 125. - Giáo viên hướng dẫn cách nhận biết các một số loại vắc xin qua: <ul style="list-style-type: none"> + Quan sát chung về loại vắc xin, đối tượng dùng, thời gian sử dụng. + Dạng vắc xin: dạng bột hay dạng nước... + Liều dùng và cách dùng của loại vắc xin đó. - Yêu cầu 1 học sinh khác làm lại cho các bạn khác xem. - Giáo viên yêu cầu 1 học sinh đọc to phần các bước mục 2. - Giáo viên lấy dụng cụ, hướng dẫn cho học sinh từng bộ phận và cách sử dụng các dụng cụ đó như thế nào. - Giáo viên làm mẫu các bước cho học sinh quan sát và yêu cầu 1 học sinh làm lại lần nữa cho các khác xem. - Giáo viên yêu cầu học sinh viết vào tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghiên cứu mục 1. - Học sinh lắng nghe và chú ý cách làm của giáo viên. - 1 học sinh làm lại cho các bạn khác xem. - 1 học sinh đọc to phần 2 các bước thực hiện. - Học sinh chú ý lắng nghe và quan sát. - Học sinh quan sát cách làm của giáo viên. - Học sinh ghi bài vào tập. 	<p><u>II. Quy trình thực hành:</u></p> <p>1. <u>Nhận biết một số loại vắc xin phòng bệnh cho gia cầm:</u></p> <p>Quan sát các loại vắc xin theo các bước:</p> <p>a) Quan sát chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại vắc xin - Đối tượng dùng. - Thời hạn sử dụng. <p>b) Dạng vắc xin: dạng bột, dạng nước, màu sắc của thuốc.</p> <p>c) Liều dùng: tùy loại vắc xin. Cách dùng (tiêm, nhỏ, phun hay hay chích...).</p> <p>2. <u>Phương pháp sử dụng vắc xin Niu cat xon phòng bệnh cho gà:</u></p> <p>- Bước 1: Nhận biết các bộ phận và tháo, lắp, điều chỉnh bơm tiêm.</p> <p>- Bước 2: tập tiêm trên thân cây chuối. Tay phải cầm bơm tiêm: bơm tiêm được tì trên ngón trỏ, ngón giữa và ngón đeo nhẫn, ngón cái ấn xuống thân bơm. Cầm kim tiêm nghiêng với mặt nơi tiêm một góc 30°. Tay trái bơm</p>

		vắc xin sau đó rút kim ra nhanh. Dùng panh cặp bông thấm cồn 70 ⁰ để sát trùng chỗ tiêm. - Bước 3: Pha chế và hút vắc xin đã hòa tan. - Bước 4: Tập tiêm dưới da phía trong của cánh gà. Nhỏ mũi hoặc nhỏ mắt cho gà.
--	--	--

* Hoạt động 3: Thực hành (17’).

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	Nội dung
- Các nhóm tiến hành thực hành, - quan sát và trả lời và ghi vào bảng mẫu. - Giáo viên yêu cầu học sinh nộp bài thu hoạch sau giờ thực hành của các nhóm quan sát của nhóm mình.	- Các nhóm tiến hành. - Các nhóm trả lời vào bảng. - Học sinh nộp bài thu hoạch.	<u>III. Thực hành:</u>

TT	Tên thuốc	Đặc điểm vắc xin (dạng vắc xin, màu sắc)	Đối tượng dùng	Phòng bệnh	Cách dùng: nơi tiêm, chích, nhỏ..., liều dùng	Thời gian miễn dịch
1						
2						
3						
4						
5						
6						

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: 2’

Yêu cầu học sinh cho biết cách nhận biết và cách sử dụng các loại vắc xin.

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG : 1’

Về nhà tự sưu tầm các tên vacxin phòng từng loại bệnh cho gia cầm.

* ***Rút kinh nghiệm***

Tuần: 34

Tiết: 52

ÔN TẬP

I- MỤC TIÊU: Sau bài này GV phải làm cho HS:

1. Kiến thức:

- Củng cố và hệ thống hoá được các kiến thức đã học. Tóm tắt được nội dung kiến thức dưới dạng sơ đồ.
- Vận dụng các kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi và bài tập.

2. Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng hệ thống hoá nội dung kiến thức.

3. Thái độ:

Có ý thức tốt trong giờ ôn tập.

4. Định hướng năng lực: năng lực giao tiếp, quan sát, hợp tác, thực hành, tư duy

II- CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên:

- SGK, SGV, giáo án.
- Hệ thống hóa nội dung kiến thức đã học.

2. Học sinh:

SGK, ôn tập trước nội dung kiến thức ở nhà.

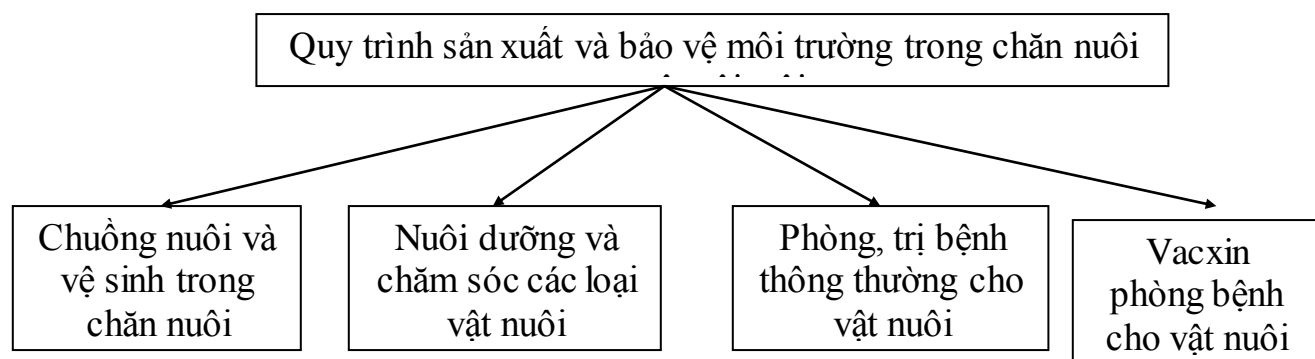
III. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CHO HỌC SINH

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: 4'

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN

HD1: Hệ thống hoá nội dung kiến thức đã học

- Cách tiến hành: GV hệ thống lại nội dung kiến thức đã học trong học kỳ II dưới dạng sơ đồ -> HS lắng nghe, tiếp thu và ghi chép



HD2: Trả lời các câu hỏi và bài tập

- Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi và bài tập.
- Thời gian: 19 phút.
- Đồ dùng dạy học: Không.
- Cách tiến hành:
 - + GV giao các câu hỏi cho HS thảo luận nhóm, phân HS về từng nhóm để thảo luận.

1. Vai trò của chuồng nuôi? Thế nào là chuồng nuôi hợp vệ sinh?

2. Khi nào vật nuôi bị bệnh? Nguyên nhân sinh ra bệnh ở vật nuôi?

3. Vắc xin là gì? Cho biết tác dụng và những điểm cần chú ý khi sử dụng vắc xin?

IV- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ: 5 phút

- GV nhận xét giờ ôn tập về: sự chuẩn bị, tinh thần, thái độ của HS.
- GV hệ thống lại nội dung kiến thức chính của giờ ôn tập.
- GV yêu cầu HS về nhà ôn tập để giờ sau kiểm tra cuối năm.

*** *Rút kinh nghiệm***